

Bộ luật tố tụng hình sự - Chương IV

Điều 67. Người chứng kiến

1. Người chứng kiến là người được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu chứng kiến việc tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này. 2. Những người sau đây không được làm người chứng kiến: a) Người thân thích của người bị buộc tội, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; b) Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức đúng sự việc; c) Người dưới 18 tuổi; d) Có lý do khác cho thấy người đó không khách quan. 3. Người chứng kiến có quyền: a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; b) Yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tuân thủ quy định của pháp luật, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; c) Xem biên bản tố tụng, đưa ra nhận xét về hoạt động tố tụng mà mình chứng kiến; d) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia chứng kiến; đ) Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí theo quy định của pháp luật. 4. Người chứng kiến có nghĩa vụ: a) Có mặt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; b) Chứng kiến đầy đủ hoạt động tố tụng được yêu cầu; c) Ký biên bản về hoạt động mà mình chứng kiến; d) Giữ bí mật về hoạt động điều tra mà mình chứng kiến; đ) Trình bày trung thực những tình tiết mà mình chứng kiến theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.